

CÔNG TY TNHH SP PAINT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SP PAINT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SP PAINT VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301182886

3. Ngày thành lập: 19/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cả Đông Côi, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0877 361 361

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
3.	Sản xuất rượu vang	1102
4.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
5.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
6.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
8.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
9.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
11.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
12.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
15.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
16.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
17.	In ấn	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sao chép bản ghi các loại	1820
20.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
21.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
22.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211

23.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
24.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
25.	Đại lý du lịch	7911
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
28.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
33.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
34.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
35.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Phá dỡ	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
54.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513

58.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
62.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
63.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
64.	Trồng cây hàng năm khác	0119
65.	Trồng cây ăn quả	0121
66.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
67.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
68.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
69.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
70.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
71.	Chăn nuôi gia cầm	0146
72.	Chăn nuôi khác	0149
73.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
74.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
75.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
76.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
77.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
78.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
79.	Khai thác gỗ	0220
80.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
81.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
82.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
83.	Khai thác thủy sản biển	0311
84.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
85.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
86.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
87.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
88.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
89.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
90.	Bán buôn thực phẩm	4632
91.	Bán buôn đồ uống	4633
92.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
93.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
94.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

95.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
96.	Bán buôn tổng hợp	4690
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
98.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
99.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
100.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
101.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
102.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
103.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
104.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
105.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
106.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
107.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
108.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
109.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
110.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
112.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
113.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
114.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
115.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
116.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
117.	Cơ sở lưu trú khác	5590
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
119.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
120.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
121.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN SƠN	Việt Nam	Xóm Tằng Thành, thôn Thái Thọ, Xã Thái Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	5.049.000.000	51,000	121388556	
2	HOÀNG CÔNG PHƯƠNG	Việt Nam	Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	4.851.000.000	49,000	126012820	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121388556

Ngày cấp: 01/04/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Xóm Tằng Thành, thôn Thái Thọ, Xã Thái Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Tằng Thành, thôn Thái Thọ, Xã Thái Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh